

Tiến sĩ Phạm Kinh Vỹ ĐI SỬ NHÀ THANH

■ Phan Xuân Thành

Phạm Kinh Vỹ, con thứ hai của cụ Phạm Gia Thụy, húy hiệu là Tình Xuyên Bá, sinh ngày 16/9/1691, ở xã Thổ Hào, nay là xã Thanh Tùng, huyện Thanh Chương.

Xã Thổ Hào là một vùng bán sơn địa nằm ở hữu ngạn sông Lam. Địa thế của xã phức tạp, núi đồi xen kẽ với đồng bằng thấp trũng. Từ xưa, nhân dân nơi đây đã dựa vào rừng núi để thu hoạch lúa và hoa màu. Núi rừng Thanh Tùng không cao lắm, cao nhất là động con Kiến, động Giăng Mần. Địa bàn Thanh Tùng không có sông lớn, chỉ có những hói nhỏ như hói Nậy bắt nguồn từ dãy Trường Sơn qua xã Thanh Hà. Thanh Tùng là đất xa đô thị, giao thông đi lại khó khăn.

Lúc nhỏ, Phạm Kinh Vỹ có tướng mạo thiên tư đỉnh ngộ, lớn lên đọc sách thánh hiền, thiên văn địa lý không có chữ nào là không thông suốt, cho đến sách *Bách gia chi tử* đều tinh thông cả.

Năm 18 tuổi (1708) ở khoa thi Mậu Tý, ông đỗ Tam Trường. Năm 24 tuổi (1714) khoa thi Giáp Ngọ, ông đậu giải Nguyên. “Năm 34 tuổi (1724), ông đậu đệ tam giáp Tiến sĩ khoa Giáp Thìn - Bảo Thái thứ 5 đời Lê Dụ Tông”⁽¹⁾. Đậu rồi ông được Vua ban áo mũ cân đai, cho thưởng yến ở vườn

thượng uyển, vinh quy bái tổ trở về quê hương. Đến năm Mậu Thân (1740), nhà vua thăng cho ông chức Hiệu thảo giám sát ngự sử đạo Sơn Nam. Năm 1748, dẹp xong giặc ở xứ đàng Ngoài, theo lệnh ông về trấn Nghệ An và cả châu Bố Chánh. Ông Phạm Kinh Vỹ là quan văn lẫn quan võ. Nhà vua sai ông hiệp đồng cùng Hoan Quận Công đánh giặc ở các địa phương như Thiên Thi, Phù Dung, Dương An, Đường Hào bao gồm 14 tổng, chém được 14 tướng, tất cả là hơn 100 người ở các xứ Khoái Châu, Hồng Châu đều dẹp yên.

Năm Tân Dậu (1751), vua sai ông cùng Điền Quận Công dẹp giặc ở Hương Hóa, Tuyên Quang, lại sai ông tiến đánh các trại giặc ở Đảo Sừng, phá tan giặc ở sông Đà. Năm ấy, ông được vua ban chức Hàn lâm ngũ phẩm và 30 mẫu ruộng lộc điền. Vua giao cho ông hiệp đồng cùng Điền Quận Công đánh ở đồn Hoa Lâm⁽²⁾, đại phá các lũy đảo Sừng, đánh Cao Thổ, Thạch Bi, Hữu Lũng, các xứ trên đều lập công. Nhân đưa quân qua núi Nữ Cốc, ông vịnh bài thơ:

“Duy trung mặc vận tử phòng trừ
Chi họa âm tàng Nữ Cốc thu
Tà ý nhạc yêu xuyên điệu đạo
Hoành phàn thạch nhụ sấn xà mâu
Tiền mao khí tác tam quân tráng
Hoạt lỗ oa cùng nhất trận thu

XỨ NGHỆ - ĐẤT VÀ NGƯỜI

*Chiến bại tẩy qua tàng vũ khó
Phong bi ngật lập độ miêu lưu”.*

Có nghĩa là:

*Trong màn tướng vận trù mưu kế đánh giặc
Vạch ra con đường theo hang tối Nữ Cốc
Dựa vào lưng đèo theo đường chim bay
Vịn vào các lớp thạch nhũ phóng ngọn xà mâu
Khí thế ba quân nơi lán trại hùng mạnh
Chỉ cần một trận đã bắt gọn lũ giặc ở hang cùng
Đánh xong, rửa giáo, cho vào kho vũ khí
Dựng bia lưu lại điều tốt đẹp cho mai sau”⁽³⁾.*

Năm Quý Hợi (1753), ông được cử làm Đốc đồng xứ Sơn Tây. Đến năm Giáp Ngọ (1754), ông được vua triệu về kinh chuẩn cho vào phủ Chúa Trịnh. Buổi ấy, địa phương phía Tây giặc già nổi lên vùng Hải Dương, Sơn Tây tự xưng tướng, cướp bóc các huyện Yên Sơn, Thạch Thất, Phúc Lộc. Ông vâng lệnh trở về làm Kinh được sứ Đại Yên, rồi làm Tổng tán quân vụ để giữ gìn trật tự.

Sau khi triệu ông về kinh, ngày đêm ba lần vào châu, rồi chuẩn cho chức Nhập nội bồi tụng Tổng lý cơ mật viện. Đến năm Ất Sửu (1755), nhà vua thăng ông làm Đông các Đại học sỹ tòng tứ phẩm. Cùng năm ấy, ông lại được vua phân đi đánh giặc ở các đạo, lập được công lớn.

Tháng 8 năm 1755, ông được vua thăng Thừa chánh sứ, chịu trách nhiệm cầu đầu phái bộ đi Yên



Đường Phạm Kinh Vỹ ở Thành phố Vinh

Kinh (Bắc Kinh), đi sứ Trung Quốc. Những người đi sứ rất quan trọng đối với vận mệnh quốc gia, người được cử là sứ thần đều là những người tài giỏi. Đến thời Lê, hầu hết sứ thần là những người đã đỗ đại khoa tức Tiến sỹ, nhiều người là Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa, những nhà văn hóa có tên tuổi. Người được cử đi sứ đã học thuộc câu trong sách luận ngữ: “Kẻ sĩ đi khắp bốn phương không làm nhục mệnh vua, được như thế mới được gọi là kẻ sĩ. Đi khắp các phương trời tự mình thấy không có tài ứng đối thì học nhiều để làm gì”⁽⁴⁾.

Đối với Phạm Kinh Vỹ, ông đối đáp với sứ thần Trung Hoa nhã nhặn, mềm dẻo, nhưng cương quyết giữ gìn quốc thể. Với vai trò Chánh sứ ông tinh thông lịch sử, tài năng mẫn tiệp, ứng đối nhanh trí, thông minh. “Khi đi sứ nước Tàu, ông tìm cách lấy một giống Sâm về trồng ở làng quê mình, sau trở thành Sâm thảo hào mà người đời còn truyền tụng”⁽⁵⁾.

Năm Bính Dần (1756), ông được Vua phong tặng cho ông nội, bà nội; con trai được phong hiếu cung đại phu; con trai thứ được phong tình mẫu lâm la; cháu đích tôn được phong tình mẫu tá lang.

Cùng năm ấy, ông được Vua làm Giám trị xứ Nghệ An, quan vận chuyển muối lên miền núi cho dân sở tại (dân tộc thiểu số) trả lương cho lính. Lại sai ông đi tuyên truyền và thu tiền cung tiếp nộp lên cấp trên. Ở đây, công cán hơn người nhưng bị hạn, ông về núi Dĩ thuộc bản xã chăm việc nhà nông, lại bị bọn phú hữu vô đoán tìm cách phá ngang. Ông cư xử rộng rãi với họ, bởi vậy người đời có thơ rằng:

*“Văn học trùng lai xuất Tổ Du
Chỉ kim vượng khí dĩ tiêu cù
Giáp Sơn cá tức quần hùng xứ
Phúc địa ngô ninh bao cần du*

*Sự hữu tình danh kê đại dịch
Bi truyền cồn phủ phó xuân thu
N như kim nhân sự đa tha thích
Hà tất khu khu hậu thế thù”.*

Có nghĩa là:

*“Về văn học từ xưa nổi lên là Thổ Du
Đến nay vượng khí đã bị hao mòn chút ít
Ở nơi góc núi làng tạm thời đang có bọn xấu xa
Nhưng phúc địa còn bao bọc viên ngọc quý
Việc có người xem ra muốn thay đổi lớn
Bia truyền lúc là quan (cồn), lúc là dân thường
(phủ)*

*Phó mặc tháng năm (sự đời)
Tuy con người có nhiều này khác
Nhưng hà tất phải khư khư giữ lại mỗi hận thù
lớn”⁽⁶⁾.*

Ông đi sứ về được 3 năm rồi mất tại quê nhà vào ngày 22 tháng 1 năm 1758, thọ 68 tuổi. Thi hài ông được chôn cất trong vườn nhà.

Nhà thờ ông Phạm Kinh Vỹ được xây dựng năm Tự Đức thứ 11 (1863). Nhìn tổng thể, Từ đường có diện tích 2.350m², mặt ngoảnh hướng Nam. Mặt bằng tổng thể khu vực này có nhà Bái đường và nhà Hậu cung. Nhà Bái đường có bức đại tự *Tích thụ mim hoa (hoa tốt đẹp tích tụ lại)*. Hậu cung cũng có 3 gian, trong đó có bức đại tự sơn son thiếp vàng *Đức lưu quang* và 2 chữ cung phụng, trâm anh, đôi câu đối như sau:

*Văn mạch đấng khoa hào khí vượng
Khoa danh trường đối bình phong quang.*

Chú thích:

(1),(2) Đào Tam Tĩnh, *Khoa bảng Nghệ An*, Nxb Nghệ An, 2005, tr.217.

(3),(4) Thanh Chương huyện chí (Bùi Dương Lịch), NXB Nghệ An, năm 2008, tr.70-71.

(5) Nguyễn Thế Long, *Những mẫu chuyện bang giao trong lịch sử Việt Nam* (Tập 1), Nxb Giáo dục, 2005, tr.11.

(6) *Lịch sử Nghệ An* (Tập 1), Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật Hà Nội, năm 2012, trang 426.

(7) *Câu đối xứ Nghệ* (Tập 2), Nxb Nghệ An, 2005, tr.283.

(Văn mạch đậu cao hào khí vượng
Khoa danh đình đối rạng hào quang).
*Phổ thủy nam lưu văn mạch viễn
Hào phúc Bắc Kỳ phúc căn nguyên.*
(Sông Phố về Nam mạch truyền mãi
Phúc Hào rẽ Bắc phúc cội nguồn)⁽⁷⁾.

Đáng chú ý trong nhà thờ còn lưu lại 3 đạo sắc.

- Đạo sắc năm Thành Thái thứ 8 (1896) phong cho ông Phạm Kinh Vỹ Đoan túc dực bảo trung hưng tôn thần.

- Năm 1809, Vua Duy Tân phong cho ông Đoan túc dực bảo trung hưng Phan Tướng Công chi thần.

- Năm 1924, Vua Khải Định phong cho ông Đoan túc dực bảo trung hưng Hộ quốc cứu dân tình xuyên bá Phạm Tướng Công trung đẳng thần.

Bên cạnh nhà thờ còn có ngôi mộ của ông soi bóng thời gian.

Tiến sĩ Phạm Kinh Vỹ làm quan trải qua 5 đời Vua, từ đời Lê Dụ Tông, Lê Duy Phường, Lê Thuần Tông, Lê Ý Tông, Lê Hiến Tông. Tước vị cao nhất của ông là Tòng tam phẩm bồi tụng, đồng lý cơ mật viện đại thần. Gương sáng của ông được người đời ca tụng là vị quan thanh liêm vì dân phục vụ cho Tổ quốc và quê hương./.